

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-PT
Ngày 06/5/2022
V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Trung.

Các Thẩm phán: Bà Đoàn Thị Kim Thương;
Ông Đinh Viết Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đình Vương Vũ - Thư ký TAND tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị: Bà Nguyễn Thị Tố Ly - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2021/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu X (Nguyễn Khắc H); Địa chỉ: Khu phố 10, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Nhật - Luật sư Văn phòng luật sư Trần và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: Số 117B đường Hùng Vương, Phường 5, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trương Đức T; Địa chỉ: Khu phố 10, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Hoàng Thị H; bà Bùi Thị L; Cùng địa chỉ: Khu phố 10, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- Ông Cao Xuân Kh; bà Trần Thị Th; Cùng địa chỉ: Khu phố 10, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Hữu X là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/03/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/9/2020, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu X trình bày:

Năm 1976, gia đình ông Nguyễn Hữu X khai hoang một thửa đất tại Khu phố 10, Phường 5, thành phố Đ, hiện nay là thửa đất số 163, tờ bản đồ số 24 và canh tác trên thửa đất đó đến nay.

Năm 2002, gia đình ông X chuyển nhượng cho ông Trương Đức T một phần diện tích đất của thửa đất nêu trên, có vị trí:

Phía Bắc: Tiếp giáp mốc chỉ giới đường, dài 27m;

Phía Nam: Tiếp giáp thửa đất bà Thư đang sử dụng, dài 25m;

Phía Đông: Tiếp giáp phần diện tích đất còn lại của gia đình ông X, dài 17,8m;

Phía Tây: Tiếp giáp thửa đất bà Ngân đang sử dụng, dài 21m.

Năm 2017, Ủy ban nhân dân thành phố Đ có quyết định thu hồi đất để xây dựng đường Trường Chinh thuộc dự án phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông. Theo quyết định, gia đình ông X bị thu hồi 980m².

Tại sơ đồ thu hồi đất thuộc tờ bản đồ số 3 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ, thể hiện: Ranh giới thửa đất của ông X giáp thửa đất của ông Trương Đức T. Phần diện tích đất quy hoạch đường khi thực hiện thu hồi đã quy chủ và bồi thường giải phóng mặt bằng cho hộ ông X. Phần diện tích đất sau khi bị thu hồi được chia thành 02 thửa đất, chạy dọc theo đường Trường Chinh: 01 thửa thuộc thửa đất số 163, tờ bản đồ số 24 và 01 phần đất còn lại khoảng 147m² (*Cả 02 phần đất còn lại sau khi thu hồi đến nay chưa được cấp GCNQSD đất*).

- Phần đất còn lại khoảng 147m², có vị trí:
- Phía Bắc: Tiếp giáp đường Trường Chinh, có chiều dài 41,6m;
- Phía Nam: Tiếp giáp thửa đất ông T đang sử dụng, dài 41,6m;
- Phía Đông: Tiếp giáp thửa đất bà Ngân đang sử dụng, dài 1,3m;
- Phía Tây: Tiếp giáp đường đi, dài 5,8m.

Hiện tại diện tích đất khoảng 147m² nêu trên ông Trương Đức T lấn chiếm, tiến hành xây dựng hàng rào.

Ông Nguyễn Hữu X khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Đức T trả lại cho ông X diện tích đất đã lấn chiếm là 147m² có vị trí, kích thước như đã nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông X rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Đức T trả lại cho ông X diện tích đất đã lấn chiếm là 138m² và buộc ông Trương Đức T chấm dứt hành vi cản trở việc sử dụng diện tích 138m² đất của ông Nguyễn Hữu X.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 15/5/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Trương Đức T trình bày:

Năm 1999, ông Trương Đức T được ông Nguyễn Hữu X chuyển nhượng thửa đất tại Khu phố 10, Phường 5, thành phố Đ. Việc chuyển nhượng được thể hiện tại “Đơn xin trả lại đất canh tác” do ông X lập ngày 12/12/1999 có nội dung: Do khả năng gia đình không có điều kiện quản lý khai thác cũng như đóng góp nghĩa vụ tài chính cho nhà nước nên đề nghị chính quyền các cấp giao lại cho ông Trương Đức

T người góp vốn cùng gia đình và canh tác trên vùng đất đó, có sơ đồ kèm theo (rộng 27m, dài 21m và 18m) được UBND Phường 5, thành phố Đông Hà xác nhận.

Ngày 10/11/2002, ông X viết giấy xác nhận trong đó nêu diện tích chuyển nhượng cho ông T cụ thể:

Bắc giáp mốc chỉ giới đường, sát đất ông X dài 27m;

Nam giáp đất bà Thư dài 25m;

Đông giáp đường mòn và đất ông X dài 17,8m;

Tây giáp đất bà Nguyễn Thị Ngân dài 21m.

Ngoài thửa đất nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Hữu X thì ông T còn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Th và ông Cao Xuân Kh.

Ngày 15/11/2002, ông Trương Đức T có đơn xin giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 1.890m², trong đó chiều rộng thửa đất dài 27m, chiều dài thửa đất dài 70m.

Ngày 20/9/2005, ông Trương Đức T và bà Bùi Thị L được UBND thị xã (nay là thành phố) Đông Hà cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 213874 với diện tích 1.633m² trong đó chiều rộng thửa đất dài 27m, chiều dài thửa đất dài 60,50m. Diện tích chiều dài của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp có giảm đi 9,5m so với đơn xin cấp đất là do quyết định quy hoạch mở đường của thành phố.

Ông X khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T giao trả diện tích 138m² đất là không có căn cứ, bởi vì diện tích đất phía trước sân nằm ngoài diện tích được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T thực tế là diện tích đất ông X đã chuyển nhượng cho ông T. Nay nhà nước làm đường chưa sử dụng hết diện tích quy hoạch mở đường thì ông T có quyền sử dụng. Vì vậy, ông T đề nghị Tòa án bác yêu cầu của ông Nguyễn Hữu X.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hoàng Thị H (vợ ông X): Thống nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của hộ gia đình ông X. Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bà Bùi Thị Luân (vợ ông T): Thống nhất ý kiến trình bày của bị đơn về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của hộ gia đình ông T. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ông Cao Xuân Kh, bà Trần Thị Th không có ý kiến trình bày cũng như không tham gia hòa giải.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 27/12/2021 của TAND thành phố Đông Hà đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 26,

điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí. Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Hữu X đã rút với diện tích đất là 10m².

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu X về việc yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Trương Đức T trả lại diện tích đất 138m² và chấm dứt hành vi cản trở ông Nguyễn Hữu X thực hiện quyền sử dụng đất 138m².

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/01/2022 ông Nguyễn Hữu X kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 27/12/2021 của TAND thành phố Đông Hà với lý do:

Bản án tuyên không khách quan, không chính xác, nhận định trong vụ án không đúng quy định của pháp luật, gây thiệt hại và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trương Đức T trả lại cho ông Nguyễn Hữu X 138m² đất và chấm dứt hành vi cản trở đối với việc sử dụng đất của ông X.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn cho rằng quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ không đúng vị trí, diện tích hiện trạng của ông T nhiều hơn diện tích được cấp giấy chứng nhận; biên bản thẩm định không mô tả tài sản có trên đất là hàng rào kẽm gai do ông T làm. Vì vậy, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ lại Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại cho khách quan, bảo vệ quyền lợi cho ông X.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 27/12/2021 của TAND thành phố Đông Hà về phần án phí do có tình tiết mới.

- *Về án phí:* Ông Nguyễn Hữu X được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng.

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Hữu X khởi kiện yêu cầu ông Trương Đức T trả lại phần đất lấn chiếm và chấm dứt hành vi cản trở ông X sử dụng đất. Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp: “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là đúng quy định của pháp luật.

[1.2]. Về thời hạn kháng cáo: Ngày 27/12/2021 Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà mở phiên tòa xét xử sơ thẩm. Ngày 07/01/2022 nguyên đơn ông Nguyễn Hữu X kháng cáo. Như vậy, kháng cáo của ông Nguyễn Hữu X nằm trong hạn luật định, nên chấp nhận để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[1.3]. Về việc tham gia phiên tòa phúc thẩm: Tòa án đã triệu tập hợp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Xuân Kh, bà Trần Thị Th tham gia phiên tòa phúc thẩm ngày 06/5/2022, tuy nhiên ông Cao Xuân Kh xin xét xử vắng mặt, bà Trần Thị Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 296 BLTTDS để xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Xuân Kh, bà Trần Thị Th.

[2]. Về nội dung.

[2.1]. Xét nội dung đơn khởi kiện và kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu X, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1.1]. Xét nguồn gốc thửa đất của gia đình ông Trương Đức T cho thấy: Theo đơn xin trả lại đất canh tác ngày 12/12/1999 ông Trương Đức T được ông Nguyễn Hữu X, bà Trần Thị Th, ông Cao Xuân Kh chuyển nhượng quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân phường 5 thị xã (nay là thành phố) Đông Hà xác nhận, cụ thể:

- Ông Nguyễn Hữu X chuyển nhượng diện tích: Chiều rộng dài 27m; chiều dài hai cạnh 21m và 18m.

- Bà Trần Thị Th chuyển nhượng diện tích: Chiều rộng dài 27m; chiều dài hai cạnh là 22m và 25m.

- Ông Cao Xuân Kh chuyển nhượng diện tích: Chiều rộng dài 27m; chiều dài hai cạnh là 29m và 27m.

Sau khi nhận chuyển nhượng, diện tích đất của ông Trương Đức T được đo đạc, xác định ranh giới, mốc giới thửa đất và được các hộ liền kề trong đó có ông Nguyễn Hữu X ký đồng ý và đã được Ủy ban nhân dân phường 5 thị xã (nay là thành phố) Đông Hà xác nhận. Theo biên bản xác nhận thì ba thửa đất trên liền kề nhau, được hợp thành một thửa, do đó thửa đất của ông Trương Đức T có chiều rộng (Bắc - Nam) 27m và chiều dài (Đông - Tây) là 70,0m, có tổng diện tích là 1.890m².

Ngày 15/11/2002, ông Trương Đức T có đơn xin giao đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 1.890m^2 , trong đó chiều rộng thửa đất dài 27m, chiều dài thửa đất dài 70m. Đến ngày 25/9/2003, hộ ông Trương Đức T và bà Bùi Thị L được UBND thị xã (nay là thành phố) Đông Hà cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X565559 với diện tích 1.633m^2 , trong đó có 300m^2 đất ở và 1.333m^2 đất vườn.

Ngày 14/4/2004, ông Trương Đức T có đơn xin biến động chuyển mục đích sử dụng đất từ đất vườn sang đất ở. Đến ngày 25/9/2005, ông Trương Đức T và bà Bùi Thị L được UBND thị xã (nay là thành phố) Đông Hà cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 213874 với diện tích 1.633m^2 , trong đó chiều rộng thửa đất dài 27m, chiều dài thửa đất dài 60,50m. Diện tích chiều dài của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp có giảm đi 9,5m so với đơn xin cấp đất là do phần đất này thuộc quy hoạch mở đường của thành phố, không nằm trong giấy CNQSDĐ ông T được cấp.

[2.1.2]. Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Hữu X về việc yêu cầu ông Trương Đức T trả lại diện tích 138m^2 đất, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 29/6/2017, Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định số 1344/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để xây dựng công trình đường Trường Chinh thuộc dự án phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông tỉnh Quảng Trị. Theo quyết định thu hồi đất, hộ ông Nguyễn Hữu X có diện tích hiện trạng là 2.002m^2 , diện tích bị thu hồi là 980m^2 , diện tích còn lại là 1.022m^2 . Hộ ông Trương Đức T có diện tích hiện trạng 1.894m^2 , diện tích thu hồi 24m^2 , diện tích còn lại 1.870m^2 .

Tại công căn số 223/TTPTQĐ-GPMB ngày 07/9/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đông Hà về việc cung cấp thông tin, tài liệu cho Tòa án đã xác định “Thửa đất số 163b, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.894m^2 không tiếp giáp với đường, chiều dài thửa đất đo thu hồi là 70m (hai cạnh phía Đông Bắc và Tây Nam), phù hợp với chiều dài thửa đất theo hiện trạng thể hiện tại Giấy chứng nhận QSDĐ số AD 213874 đã cấp cho hộ ông Trương Đức T.

Tại biên bản ngày 21/3/2016 về việc kiểm kê đất đai, tài sản để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng của Dự án thì phần đất hộ ông Trương Đức T bị ảnh hưởng là 24m^2 , diện tích còn lại là 1.870m^2 (có sơ đồ kèm theo bút lục số 156).

Mặt khác, theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ kèm theo sơ đồ hiện trạng ranh giới thửa đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh thành phố Đông Hà lập ngày 05/7/2021 đã xác định: Phần diện tích đất tranh chấp là 148m^2 ((10) + (138)), trong đó diện tích 10m^2 là diện tích đất ông T đã được cấp giấy chứng nhận, còn diện tích 138m^2 cũng nằm trong diện tích đất ông Trương Đức T đã nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Hữu X từ năm 2002 và đã được UBND thị xã (nay là thành phố) Đông Hà cấp giấy CNQSDĐ năm 2003, cấp đổi năm 2005 nhưng thuộc phần đất quy hoạch mở đường, có diện tích $256,5\text{m}^2$ không được cấp giấy chứng nhận. Tuy nhiên, khi thu hồi đất làm đường Trường Chinh

năm 2017 phần diện tích $256,5\text{m}^2$ đất chỉ bị thu hồi diện tích 24m^2 và ông T được bồi thường đối với diện tích 24m^2 , diện tích đất còn lại vẫn thuộc quy hoạch mở đường giáp với đường Trường Chinh và theo ranh giới pháp lý thì ông Trương Đức T vẫn sử dụng ổn định từ trước đến nay. Theo đơn khởi kiện, ông X cho rằng ông T đã lấn chiếm diện tích 147m^2 đất của ông có cạnh phía Bắc giáp đường Trường Chinh dài $41,6\text{m}$, cạnh phía Nam giáp thửa đất ông T đang sử dụng dài $41,6\text{m}$; cạnh phía Đông giáp đất bà Ngân dài $1,3\text{m}$; cạnh phía Tây giáp đường đi dài $5,8\text{m}$. Tuy nhiên, theo giấy CNQSDĐ ông T được cấp và kết quả thẩm định tại chỗ của TAND thành phố Đông Hà thì cạnh phía Bắc và phía Nam đất ông T được cấp giấy và ông T đang sử dụng chỉ dài 27m , không phải là $41,6\text{m}$ như yêu cầu khởi kiện của ông X. Tại phiên tòa phúc thẩm ông X cho rằng theo sơ đồ thẩm định ngày 05/7/2021 còn có phần diện tích hình tam giác có cạnh phía Tây dài $3,3\text{m}$ là phần diện tích đất của ông nên ông yêu cầu ông T trả lại. Tuy nhiên, phần diện tích hình tam giác phía Tây ông X yêu cầu ông T trả lại nằm ngoài yêu cầu khởi kiện ban đầu, chưa được cấp sơ thẩm xem xét nên cấp phúc thẩm không xem xét đối với yêu cầu này của ông X.

Việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất tranh chấp đã được cấp sơ thẩm thực hiện thể hiện bằng sơ đồ do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố Đông Hà lập ngày 05/7/2021. Sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ được đo vẽ trên cơ sở chỉ dẫn vị trí tranh chấp của các bên tranh chấp; sau khi có kết quả đo vẽ và trong quá trình xét xử sơ thẩm các bên không có khiếu nại về kết quả đo vẽ. Do đó ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích cho ông X cho rằng kết quả đo vẽ không đúng hiện trạng, không mô tả tài sản có trên đất, diện tích đất hiện trạng ông T sử dụng lớn hơn diện tích đất được cấp giấy nên đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm để giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm xem xét giải quyết lại vụ án là không có căn cứ.

Như vậy, phần diện tích 138m^2 đất ông Nguyễn Hữu X buộc ông Trương Đức T trả lại nằm trong phạm vi quy hoạch mở đường, nằm ngoài phạm vi thu hồi khi xây dựng đường Trường Chinh và không nằm trong tổng diện tích 2.002m^2 quy chủ cho hộ ông Nguyễn Hữu X mà nằm trong tổng diện tích 1.870m^2 của hộ ông Trương Đức T đã nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Hữu X, ông Cao Xuân Kh và bà Trần Thị Th, không có căn cứ cho rằng ông Trương Đức T lấn chiếm diện tích đất này của ông Nguyễn Hữu X.

[2.1.3]. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Hữu X cho rằng ông X không ký vào các văn bản do ông Trương Đức T cung cấp và các chữ ký trong các văn bản đó là bản phô tô nhưng không yêu cầu giám định chữ ký. Thấy rằng các tài liệu chứng cứ do bị đơn ông Trương Đức T giao nộp đều là văn bản được chứng thực hợp pháp nên phù hợp quy định của pháp luật.

[3]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu X, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 27/12/2021 của TAND thành phố Đông Hà.

[4]. Về án phí: Do không chấp nhận đơn khởi kiện và không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu X nên ông X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Cấp sơ thẩm buộc ông X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là đúng quy định. Tuy nhiên, khi kháng cáo ông X có đơn xin miễn án phí. Xét thấy, ông X là người trên 60 tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí khi có đơn yêu cầu theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí. Đây là tình tiết mới tại cấp phúc thẩm, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị miễn án phí của ông X, sửa án sơ thẩm về phần án phí, để xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông X.

Bị đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

[5]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Hữu X phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền là 3.541.000 đồng, ông X đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 157, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 296 của BLTTDS năm 2015; Điều 166, Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu X, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 27/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Hữu X đã rút với diện tích đất là 10m².

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu X về việc yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Trương Đức T trả lại diện tích đất 138m² và chấm dứt hành vi cản trở ông Nguyễn Hữu X thực hiện quyền sử dụng đất 138m².

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Hữu X phải chịu số tiền 3.541.000 đồng (*Ba triệu năm trăm bốn mươi một nghìn đồng*), ông X đã nộp đủ.

3. Về án phí: Sửa án sơ thẩm về phần án phí, ông Nguyễn Hữu X được miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hữu X 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000487 ngày 05/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Hà.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 06/5/2022./.

Nơi nhận:

- TAND TP Đông Hà;
- Chi cục THADS TP Đông Hà;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Tổ HCTP;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Việt Trung

